

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 16-3-2020
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1288/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Nguyên đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 3, phố Phong Châu, phường Bạch Hạc, thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1979- Luật sư Công ty Luật Hoàng Long P&T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; trú tại: Số nhà 2412, đường Hùng Vương, phường T, thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ, có mặt;

Bị đơn:

1. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam; địa chỉ: Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; do bà Nguyễn Thị Kim O là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019), có mặt;

2. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1983 và chị Trần Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Khu 7, V An, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2. Anh Ngô Đức B, sinh năm 1979; trú tại: Khu 11, xã P, huyện Phù Ninh,

tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn V trình bày:

Khoảng cuối năm 2017, do có nhu cầu hợp tác kinh doanh nên anh bàn bạc với anh Nguyễn Xuân T để anh đầu tư lắp đặt 01 bộ hút cát có giá trị 399.500.000đ (Ba trăm chín chín triệu năm trăm nghìn đồng) trên chiếc xà lan máy mang biển kiểm soát VP 1727 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L để hợp tác làm ăn chung. Hai bên thỏa thuận, khi nào không hợp tác nữa thì anh có quyền tháo dỡ bộ máy hút cát này. Anh được biết, chiếc Sà lan máy này đã được vợ chồng anh T, chị L thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 04/2017/9511388/HĐBĐ ngày 29/3/2019 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V Nam- viết tắt là Ngân hàng Đầu tư) để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng anh T, chị L theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/9511388/HĐTD ngày 08/3/2017.

Bộ máy hút cát là tài sản riêng của anh (không phải tài sản chung vợ chồng) và việc anh lắp đặt máy hút cát trên xà lan máy là hợp tác đầu tư với vợ chồng anh T, chị L, không L quan đến tài sản thế chấp cho Ngân hàng Đầu tư. Quá trình vay vốn do anh T, chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã thu hồi chiếc Sà lan máy (trên đó có cả bộ hút cát), bán đấu giá để thu hồi nợ. Mặc dù khi đầu tư bộ máy hút cát này, cả anh và vợ chồng anh T không thông báo cho bên nhận thế chấp nhưng khi Ngân hàng thu hồi tài sản thế chấp, đề nghị thẩm định giá, bán đấu giá, anh đã trực tiếp gọi điện thoại cho cán bộ phụ trách của ngân hàng; anh T cũng có văn bản đề nghị các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc để yêu cầu không thực hiện việc công chứng chuyển nhượng chiếc sà lan máy nhưng Ngân hàng vẫn bán đấu giá chiếc Sà lan máy bao gồm cả bộ máy hút cát của anh.

Quá trình bán đấu giá tài sản, Ngân hàng và Công ty bán đấu giá không thực hiện việc định giá tài sản bộ máy hút cát mà chỉ định giá chiếc Sà lan máy là vi phạm. Trường hợp nếu ngân hàng cho rằng đây là tài sản đầu tư tăng thêm thì cũng cần phải xác định được giá trị đầu tư tăng thêm là bao nhiêu.

Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp các chứng cứ chứng minh anh là chủ sở hữu của bộ máy hút cát nhưng ngoài các hóa đơn, phiếu mua hàng, giấy xác nhận anh đã nộp tại giai đoạn khởi kiện anh không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể của những cửa hàng, cá nhân bán vật tư, lắp đặt để Tòa án xác minh làm rõ. Theo anh, việc cung cấp các chứng cứ này là không cần thiết vì bản thân vợ chồng anh T, chị L đã thừa nhận nên anh không phải chứng minh và Tòa án không cần thiết làm rõ.

Ngày 17/12/2019, anh V thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, anh đề nghị nếu Ngân hàng không trả bộ máy hút cát cho anh thì anh đề nghị vợ chồng anh T, chị L phải trả cho anh bộ máy hút cát này hoặc cả Ngân hàng và anh T, chị L có trách nhiệm L đới trong việc trả lại tài sản cho anh bằng hiện vật hoặc bằng tiền.

Bị đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V Nam do bà Nguyễn Thị Kim O là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/3/2017, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam, chi nhánh Hùng Vương và vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị L có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/9511388/HĐTD với số tiền vay là 1 tỷ đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, anh T, chị L có ký kết 01 hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2017/9511388/HĐBĐ ngày 29/3/2017, thế chấp 01 sà lan máy, số đăng ký VP 1727, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1795/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/3/2017, chủ phương tiện là anh Nguyễn Xuân T. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình kinh doanh, vợ chồng anh T đã tự ý đầu tư thêm 01 bộ máy hút cát trên tài sản đã thế chấp mà không thông báo và không được sự chấp thuận của Ngân hàng. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 9/2018 vợ chồng anh T đã tự nguyện bàn giao chiếc Sà lan máy (trên đó có lắp đặt 01 bộ máy hút cát) cho Ngân hàng tiến hành bán đấu giá để trả nợ các khoản vay quá hạn. Ngày 20/11/2018, vợ chồng anh T có đơn đề nghị gửi Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ, Sở giao thông vận tải tỉnh V, tỉnh Phú Thọ, các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ...thể hiện việc tự nguyện giao Sà lan máy và tài sản đầu tư tăng thêm để Ngân hàng bán đấu giá nên các văn bản gửi các cơ quan ban ngành trước ngày này không còn giá trị, không khiếu nại thắc mắc gì.

Trong hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ chứng minh anh V là chủ sở hữu bộ máy hút cát là chưa đảm bảo. Thời điểm lắp đặt bộ máy hút cát này Ngân hàng không nhận được thông báo nào của cả anh V và vợ chồng anh T. Hơn nữa, nếu anh V hay vợ chồng anh T có đầu tư tài sản lắp đặt trên tài sản thế chấp phải có sự đồng ý của Ngân hàng theo điều khoản hai bên ký kết trong hợp đồng thế chấp tài sản, mọi sự đầu tư không được phép, không thông báo thì ngân hàng không chịu trách nhiệm.

Đối với thủ tục bán đấu giá tài sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, anh B là người thứ ba ngay tình, mua tài sản thông qua bán đấu giá là hợp pháp nên không thể trả lại bộ máy hút cát cho anh V được. Do bộ máy hút cát gắn liền với Sà lan máy và vợ chồng anh T cam đoan tài sản này là của vợ chồng anh nên cơ quan định giá đã định giá tổng thể toàn bộ tài sản là không vi phạm, không cần xác định giá trị đầu tư tăng thêm.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị ngân hàng trả lại bộ máy hút cát, quan điểm của ngân hàng không đồng ý mà thuộc trách nhiệm của vợ chồng anh T. Nếu trường hợp vợ chồng anh T phải trả lại tài sản cho anh V thì đề nghị thanh toán bằng tiền tương đương với giá trị tài sản.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L thống nhất trình bày.

Vợ chồng anh xác nhận lời khai của ngân hàng về việc vay vốn và thế chấp; lời trình bày của anh Trần Văn V về việc anh V là chủ sở hữu bộ máy hút cát, việc hợp tác, đầu tư kinh doanh giữa hai bên là đúng. Vợ chồng anh thừa nhận do làm ăn kinh doanh không hiệu quả nên đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý và không có đề nghị gì đối với phần nợ vay được đảm bảo bằng tài sản này; thừa nhận việc đầu tư tăng thêm tài sản là bộ máy hút cát cả anh V và vợ chồng

anh đều không thông báo và không được sự đồng ý của ngân hàng, không có văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp nhưng khi ngân hàng thu hồi tài sản đã có đề nghị trả bộ máy hút cát cho anh V.

Bộ máy hút cát của anh V là tài sản đầu tư sau khi thế chấp Ngân hàng và là tài sản riêng của anh V, không phải là tài sản của vợ chồng anh nên việc ngân hàng bán toàn bộ tài sản là chiếc Sà lan máy trên đó có cả tài sản của anh V là không đúng quy định.

Anh V khởi kiện đề nghị Ngân hàng trả bộ máy hút cát, anh đồng ý và không có ý kiến gì vì đây không phải là tài sản của vợ chồng anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Đức B trình bày:

Tháng 9/2018 anh biết được thông tin công ty đấu giá đăng thông tin bán đấu giá chiếc sà lan máy theo như nguyên đơn, bị đơn, vợ chồng anh T, chị L đã trình bày nên anh mua hồ sơ và nộp tiền đặt cọc tham gia đấu giá. Ngày 30/10/2018 anh đã trúng đấu giá chiếc sà lan máy cùng toàn bộ thiết bị vật tư gắn liền trên tàu (bao gồm bộ hút cát). Anh đã làm thủ tục sang tên toàn bộ tài sản trên là hợp pháp. Việc mua bán thông qua bán đấu giá là ngay tình, đúng quy định pháp luật nên việc nguyên đơn đòi lại tài sản là bộ máy hút cát hiện đang là tài sản của anh, anh không đồng ý.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình 02 giấy viết tay xác nhận của cán bộ Ngân hàng về việc cả nguyên đơn và anh T đều thông báo cho Ngân hàng khi thu hồi tài sản để bán đấu giá. Bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa đúng là xác nhận của cán bộ ngân hàng về việc có nhận được các đơn đề nghị của anh V và anh T nhưng là thời điểm trước ngày 20/11/2018, sau đó vợ chồng anh T lại cam kết là tài sản của mình nên Ngân hàng bán đấu giá toàn bộ các tài sản là đúng quy định. Do đó, Ngân hàng không chịu trách nhiệm và lỗi thuộc về anh T, chị L nên đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị L phải trả cho nguyên đơn số tiền tương đương với giá trị bộ máy hút cát.

Vợ chồng anh T, chị L, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L phải trả cho nguyên đơn trị giá bộ máy hút cát bằng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Về án phí: Buộc vợ chồng anh T, chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam hoặc vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị L hoặc cả hai bên phải có trách nhiệm trả

lại cho anh bộ máy hút cát lắp đặt trên Sà lan máy đã bị bán đấu giá, là tài sản riêng của cá nhân anh nên đây là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án .

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện: Ban đầu nguyên đơn chỉ đề nghị buộc Ngân hàng trả lại tài sản là bộ máy hút cát nhưng sau đó thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Ngân hàng hoặc vợ chồng anh T, chị L hoặc cả hai bên có trách nhiệm L đới trả lại tài sản. Sự thay đổi, bổ sung này của nguyên đơn là sự thay đổi chủ thể có nghĩa vụ, các chủ thể này đã tham gia tố tụng trong vụ án, không phải là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại tài sản mà không yêu cầu bồi thường thiệt hại và các vấn đề khác nên Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện.

- Về sự thay đổi tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, xét thấy việc giải quyết vụ án có L quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của vợ chồng anh T, chị L nên Tòa án đã đưa anh T, chị L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là đúng quy định theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 17/12/2019, nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng trả lại tài sản là bộ máy hút cát hoặc vợ chồng anh T, chị L hoặc cả hai bên có trách nhiệm L đới trả lại tài sản. Như vậy, ngoài Ngân hàng là người bị nguyên đơn khởi kiện còn có vợ chồng anh T, chị L nên cần thay đổi tư cách tham gia tố tụng của vợ chồng anh T, chị L từ người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan thành bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn; vợ chồng anh T, chị L và anh B đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về xác định chủ sở hữu đối với bộ máy hút cát: Nguyên đơn xuất trình các biên lai mua hàng, các giấy xác nhận chứng minh nguyên đơn đã đầu tư tiền để mua và lắp ráp bộ máy hút cát trên chiếc Sà lan máy. Vợ chồng anh T, chị L thừa nhận bộ máy hút cát này là của nguyên đơn đầu tư, hai bên chỉ hợp tác kinh doanh để phân chia lợi nhuận. Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét chủ sở hữu bộ máy hút cát là ai nhưng không phản đối chủ sở hữu bộ máy hút cát là nguyên đơn nếu trách nhiệm trả lại bộ máy hút cát thuộc về vợ chồng anh T, chị L. Do vậy, có đủ căn cứ xác định bộ máy hút cát thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn cho rằng đây không phải tài sản đầu tư tăng thêm của tài sản thế chấp vì tài sản này phát sinh sau, không L quan đến tài sản thế chấp là không phù hợp vì việc lắp đặt bộ máy hút cát chính là để khai thác công dụng, tính năng sử

dụng của Sà lan máy, thu lợi nhuận trên cơ sở hợp tác kinh doanh giữa nguyên đơn và vợ chồng anh T, chị L. Điều này là phù hợp vì chính nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa, nguyên nhân nguyên đơn và vợ chồng anh T hợp tác kinh doanh là vì tàu của anh T thời điểm đó không chở hàng như trước nên hai bên cam kết hợp tác, nguyên đơn lắp đặt bộ hút cát trên Sà lan máy để hút cát, khi hút đủ số lượng thì Sà lan máy sẽ trở cát đi bán, chia lợi nhuận. Do đó, trường hợp này bộ máy hút cát được coi là tài sản đầu tư tăng thêm của người thứ ba, được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu.

Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận thời điểm nguyên đơn lắp ráp bộ máy hút cát là sau khi vợ chồng anh T, chị L thế chấp chiếc Sà lan máy cho Ngân hàng để vay vốn, cả hai bên đều không thông báo cho Ngân hàng biết. Điều này là vi phạm cam kết được quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2017/9511388/HĐBĐ ngày 29/3/2017 và các quy định của pháp luật về bảo lãnh có tài sản thế chấp, khi đầu tư tăng thêm phải thông báo và được sự đồng ý của bên nhận thế chấp.

Mặc dù, tại phiên tòa, nguyên đơn có xuất trình xác nhận của cán bộ ngân hàng về việc nhận được đơn đề nghị của nguyên đơn và vợ chồng anh T trong giai đoạn Ngân hàng thu hồi Sà lan máy và bộ hút cát nhưng sau đó tại đơn đề nghị đề ngày 20/11/2018 và Biên bản làm việc ngày 20/11/2018 (sau thời điểm cán bộ Ngân hàng nhận đơn của nguyên đơn và anh T) đều thể hiện vợ chồng anh T, chị L cam kết Sà lan máy và các tài sản đầu tư tăng thêm là thuộc quyền sở hữu của mình, tự nguyện giao toàn bộ các tài sản này để Ngân hàng bán đấu giá, không khiếu nại thắc mắc gì nên việc Ngân hàng bán đấu giá tài sản Sà lan máy trên đó có bộ máy hút cát do nguyên đơn đầu tư không có lỗi của Ngân hàng.

Hành vi không thông báo về việc đầu tư tăng thêm tài sản thế chấp của người thứ ba; hành vi cam kết tài sản thế chấp, tài sản đầu tư tăng thêm thuộc quyền sở hữu của mình; tự nguyện giao toàn bộ tài sản thế chấp cùng các tài sản gắn liền cho bên nhận thế chấp để bán đấu giá là do lỗi của vợ chồng anh T, chị L và hành vi này có mối quan hệ nhân quả đến thiệt hại về tài sản, xâm phạm quyền sở hữu của nguyên đơn. Hơn nữa, người được lợi về tài sản trong trường hợp này là vợ chồng anh T, chị L vì giá trị đầu tư tăng thêm này được tính vào khoản nợ của vợ chồng anh T, chị L đã được ngân hàng thu hồi khi bán Sà lan máy nên cần buộc vợ chồng anh chị phải có trách nhiệm trả lại bộ máy hút cát cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp.

Quá trình thẩm định giá tài sản để bán đấu giá, bộ máy hút cát này không được định giá độc lập nhưng trong danh mục bảng kê tài sản và các thủ tục định giá, bán đấu giá đều thể hiện rõ có tài sản này gắn liền với tài sản thế chấp. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã định giá tài sản bộ máy hút cát có giá trị là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), các bên đều đã được thông báo kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì nên không đề cập xem xét thủ tục định giá, bán đấu giá là phù hợp.

Anh Ngô Đức B mua tài sản qua bán đấu giá, là người thứ ba ngay tình cần được bảo vệ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi trả lại tài sản bằng hiện vật

của nguyên đơn, chỉ buộc vợ chồng anh T, chị L trả bộ máy hút cát trị giá bằng tiền cho nguyên đơn theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên cần buộc vợ chồng anh T, chị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn giá trị bộ máy hút cát với số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả lại tài sản của nguyên đơn được định giá tương ứng bằng tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không có nghĩa vụ trả lại tài sản cho nguyên đơn.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, không có đề nghị gì nên không đặt ra việc xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 163, 166, 167, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn V đối với vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị L; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn V đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam.

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L phải trả lại bộ máy hút cát, trị giá bằng tiền cho anh Trần Văn V, số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V Nam không có nghĩa vụ trả lại tài sản là bộ máy hút cát cho anh Trần Văn V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị L phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trần Văn V số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000433 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Thu Hường

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường

